

Quê quán: xã Phú Hiệp, huyện Phú Tân, tỉnh Minh Hải.

6. Liệt sĩ Nguyễn Tài Hải, sinh năm 1952, trung úy, phó trưởng công an phường Chương Dương, quận Hoàn Kiếm, công an thành phố Hà Nội.

Quê quán: làng Vạn Phúc, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội.

7. Đồng chí Lê Văn Lân, sinh năm 1936, đội trưởng đội bảo vệ thành ủy Sài Gòn - Gia Định, nay là phó trưởng công an huyện Củ Chi, công an thành phố Hồ Chí Minh.

Quê quán: xã An Nhơn Tây, huyện Củ Chi, thành phố Hồ Chí Minh.

8. Đồng chí Hồ Văn Tăng, sinh năm 1933, đội trưởng đội an ninh vũ trang nay là đội trưởng đội bảo vệ A5 thuộc Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh.

Quê quán: xã Tân Thạnh Tây, huyện Củ Chi, thành phố Hồ Chí Minh.

Hà Nội, ngày 28 tháng 8 năm 1981

Hội đồng Nhà nước

nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam

Chủ tịch

TRƯỜNG-CHINH

QUYẾT ĐỊNH số 2-KT/HĐNN7
ngày 28-8-1981 tặng danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân cho 21 đơn vị và 6 cán bộ thuộc Quân đội nhân dân Việt Nam.

HỘI ĐỒNG NHÀ NƯỚC
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA
VIỆT NAM

Căn cứ vào điều 100 của Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Theo đề nghị của Hội đồng Bộ trưởng.

QUYẾT NGHỊ

Tặng danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân cho 21 đơn vị và 6 cán bộ, theo danh sách dưới đây, thuộc Quân đội nhân dân Việt Nam đã lập thành tích đặc biệt xuất sắc trong nhiệm vụ chiến đấu bảo vệ và xây dựng Tổ quốc xã hội chủ nghĩa.

A. ĐƠN VỊ

1. Trung đoàn 24 bộ binh thuộc sư đoàn 10, quân đoàn 3 (tuyên dương lần thứ hai).

2. Trung đoàn 165 bộ binh thuộc sư đoàn 7, quân đoàn 4.

3. Trung đoàn 917 không quân thuộc sư đoàn 376 quân chủng không quân.

4. Trung đoàn 937 không quân thuộc sư đoàn 372 quân chủng không quân.

5. Tiểu đoàn 6 bộ binh thuộc trung đoàn 2, sư đoàn 9, quân đoàn 4.

6. Tiểu đoàn 8 bộ binh thuộc trung đoàn 209, sư đoàn 7, quân đoàn 4.

7. Tiểu đoàn 5 bộ binh thuộc trung đoàn 270, sư đoàn 341, quân đoàn 4.

8. Tiểu đoàn 7 bộ binh thuộc trung đoàn 266, sư đoàn 341, quân đoàn 4.

9. Tiểu đoàn 2 công binh thuộc lữ đoàn 7, quân đoàn 3.

10. Tiểu đoàn 18 thông tin thuộc sư đoàn 341, quân đoàn 4.

11. Tiểu đoàn 2 thông tin thuộc trung đoàn 575, quân khu 5.

12. Tiểu đoàn 17 thông tin thuộc sư đoàn 2, quân khu 5.

13. Đại đội 2 bộ binh thuộc tiểu đoàn 1, trung đoàn 866, sư đoàn 31, quân đoàn 3 (tuyên dương lần thứ hai).

14. Đại đội 5 bộ binh thuộc tiểu đoàn 5, trung đoàn 270, sư đoàn 341, quân đoàn 4.

15. Đại đội 5 bộ binh thuộc tiểu đoàn 2, trung đoàn 866, sư đoàn 31, quân đoàn 3.

16. Đại đội 1 bộ binh thuộc tiểu đoàn 1, trung đoàn 141, sư đoàn 7, quân đoàn 4.

17. Đại đội 2 bộ binh thuộc tiểu đoàn 1, trung đoàn 273, sư đoàn 341, quân đoàn 4.

18. Đại đội 20 trinh sát thuộc sư đoàn 320, quân đoàn 3.

19. Đại đội 6 thiết giáp thuộc tiểu đoàn 2, lữ đoàn 273, quân đoàn 3.

20. Đại đội 3 xe tăng thuộc tiểu đoàn 3, lữ đoàn 273, quân đoàn 3.

21. Đại đội 10 công binh thuộc tiểu đoàn 4, lữ đoàn 7, quân đoàn 3.

B. CÁN BỘ

1. Liệt sĩ Hoàng Đình Hợp, sinh năm 1930, thiếu tá, tham mưu phó sư đoàn 31, quân đoàn 3.

Quê quán: Lăng Hiếu, Trưng Khánh, Cao Bằng.

2. Liệt sĩ Lê Hữu Hòe, sinh năm 1950, thiếu úy, chính trị viên đại đội 12 bộ binh, tiểu đoàn 3, trung đoàn 141, sư đoàn 7, quân đoàn 4.

Quê quán: Lam Sơn, Đô Lương, Nghệ Tĩnh.

3. Liệt sĩ Trần Minh Xung, sinh năm 1956, thiếu úy, đại đội trưởng đại đội 10 bộ binh, tiểu đoàn 6, trung đoàn 24, sư đoàn 10, quân đoàn 3.

Quê quán: Trung Sơn, Yên Lập, Vĩnh Phú.

4. Liệt sĩ Ngô Khắc Quyền, sinh năm 1956, trung sĩ, trung đội trưởng bộ binh, đại đội 2, tiểu đoàn 1, trung đoàn 273, sư đoàn 341, quân đoàn 4.

Quê quán: Thọ Thành, Thường Xuân, Thanh Hóa.

5. Rơ-O-Cheo, sinh năm 1952, trung úy, tiểu đoàn phó tiểu đoàn 303 bộ binh, bộ đội địa phương tỉnh Đắk Lắk.

Quê quán: xã Đarsai, huyện Ayunpa, tỉnh Gia Lai - Kon Tum.

6. Lương Văn Xuân, sinh năm 1959, thượng sĩ, trung đội phó bộ binh, đại

đội 7, tiểu đoàn 8, trung đoàn 209, sư đoàn 7, quân đoàn 4.

Quê quán: Lũng Cao, Bá Thước, Thanh Hóa.

Hà Nội, ngày 28 tháng 8 năm 1981

Hội đồng Nhà nước

nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam

Chủ tịch

TRƯỜNG-CHINH

NGHỊ QUYẾT số 5-NQ/HĐNN7
ngày 28-8-1981 về việc đặc xá
nhân dịp lễ Quốc khánh 2-9-1981.

HỘI ĐỒNG NHÀ NƯỚC
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA
VIỆT NAM

Căn cứ vào điều 100 của Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ vào kết quả của chính sách giáo dục và cải tạo của Nhà nước đối với phạm nhân; Nhân dịp lễ Quốc khánh ngày 2 tháng 9 năm 1981;

Theo đề nghị của Hội đồng bộ trưởng,

QUYẾT NGHỊ

1. Tha cho những phạm nhân có án tù đã cải tạo tốt theo các điều kiện sau đây:

a) Về thái độ cải tạo:

— Thành thật ăn năn hối lỗi, quyết tâm cải tạo để trở thành người lương thiện;

— Nghiêm chỉnh chấp hành các chế độ, nội quy của trại giam;

— Tích cực lao động, tích cực học tập có tác dụng thúc đẩy các phạm nhân khác cải tạo và tiến bộ.

b) Về thời hạn ở tù:

Những phạm nhân có án tù, thì đã ở tù ít nhất được 2/5 mức án, nếu bị án tù chung thân, thì đã ở tù ít nhất được 10 năm